

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30-3-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Lương Khoa**.

Ông **Nguyễn Văn Hiếu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số **20/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Lê Trí S**, sinh năm 1980 (*vắng mặt*).

ĐKTT: Ấp 4, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**- Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1980 (*vắng mặt*).

ĐKTT: Ấp Bình Tân, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2021, trong quá trình làm việc, nguyên đơn anh Lê Trí S trình bày: Vào năm 2006, anh và chị A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã , huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Ngoài ra, do bản thân anh S hay uống rượu nên hay đánh đập chị A. Do đó, chị A đã về nhà cha mẹ ruột ở xã Xuân Phú sống từ năm 2010 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay anh không còn tình cảm với chị A, do đó yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 23/11/2007. Hiện nay cháu T đang sống cùng với anh. Do đó, sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Trong quá trình làm việc bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S, anh S được ly hôn với chị A; Về con chung: giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị A không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Lê Trí S có đơn khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc A, do đó xác định anh S là nguyên đơn, chị A là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Trí S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Ngọc A đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị A là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trí S và chị Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã , huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Anh S cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, anh S hay uống rượu và đánh đập chị A. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Chị A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, chị A biết việc ly hôn nhưng vẫn văng mắt không lý do, cho thấy chị A không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Theo kết quả xác minh thì chị A có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa phương, chị A và anh S không còn sống chung với nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Từ khi anh S, chị A không sống chung với nhau cho đến nay thì anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc nuôi con chung của anh S là đảm bảo. Mặt khác, cháu Lê Nguyễn Thủy T có nguyện vọng được sống với anh S. Vì vậy, cần thiết giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung.

[6] Anh S không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Chị A văng mắt nên không có lời trình bày, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh S trình bày không có, chị A không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Anh S trình bày không có, chị A không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Lê Trí S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trí S ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc A.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 23/11/2007 cho anh Lê Trí S trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Trí S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Trí S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005925 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Anh Lê Trí S, chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Huệ**